

Bản án số: 160/2017/HNGĐ - ST

Ngày: 30 - 11 - 2017.

V/v tranh chấp về hôn nhân và gia
đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hùng Phương.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Ngọc Gang.

2. Ông Đàm Văn Kiều.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Tuấn Tú – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Trần Thế Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 30/11/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 104/2017/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2017. Về tranh chấp xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2017/QĐXX - ST ngày 09/11/2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Trần Văn B – Sinh năm: 1985;

Địa chỉ: Xóm T, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

2. *Bị đơn:* Chị Vũ Thị T – Sinh năm: 1989;

Địa chỉ: Xóm T, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa có mặt anh B, chị T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện lập ngày 06/3/2017 cũng như lời khai anh Trần Văn B tại phiên tòa thể hiện: Anh kết hôn với chị Vũ Thị T vào tháng 12/2011 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát cãi chửi nhau, mặc dù đã được gia đình động viên khuyên giải nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không được cải

thiện. Đến tháng 6/2014 thì vợ chồng anh sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay anh xác định tình cảm giữa anh và chị T không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh B đề nghị Tòa án nhân dân huyện N xem xét giải quyết cho anh được ly hôn với chị Vũ Thị T.

Về con chung anh Trần Văn B trình bày: Giữa anh và chị T có một con chung là cháu Trần Tuấn H, sinh ngày 09/10/2012, hiện cháu H đang do chị T chăm sóc nuôi dưỡng. Vợ chồng ly hôn anh B có nguyện vọng nuôi cháu Trần Tuấn H và không yêu cầu chị T phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cùng anh B. Nếu chị T có nguyện vọng nuôi con thì anh B để cho chị T nuôi con và anh sẽ đóng góp cấp dưỡng nuôi con cùng chị T mỗi tháng là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) kể từ tháng 11/2017 cho đến khi con trưởng thành lao động tự lập được.

Về tài sản chung của vợ chồng anh Trần Văn B khai vợ chồng anh có tài sản chung nhưng vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí anh B đề nghị giải quyết theo quy định.

Tại phiên toà hôm nay cũng như tại các buổi làm việc chị Vũ Thị T trình bày: Chị kết hôn với anh B vào tháng 12/2011 kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đã không hòa thuận hạnh phúc. Đến tháng 11/2014 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do trong quá trình chung sống anh B sống không chung thủy với chị, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát cãi chửi. Mặc dù chị và gia đình đã động viên khuyên bảo nhưng anh B vẫn không thay đổi. Đến tháng 6/2015 thì vợ chồng chị sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay anh B có đơn xin ly hôn chị thì chị không nhất trí ly hôn vì tình cảm vợ chồng giữa chị và anh B vẫn còn, mặt khác gia đình chị là gia đình công giáo nên chị mong muốn anh B suy nghĩ lại về đoàn tụ với gia đình tiếp tục nuôi dạy con cái trưởng thành.

Về con chung: Chị T xác định vợ chồng chị có một con chung là cháu Trần Tuấn H, sinh ngày 09/10/2012. Vợ chồng ly hôn chị T có nguyện vọng nuôi cháu Trần Tuấn H và yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị T mỗi tháng là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) kể từ tháng 11/2017 cho đến khi con trưởng thành lao động tự lập được.

Về tài sản chung: Chị T khai vợ chồng có tài sản chung nhưng vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên toà hôm nay Thẩm phán thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung:

- Quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử lý hôn giữa anh Trần Văn B với chị Vũ Thị T.

- Về con chung: Anh Trần Văn B và chị Vũ Thị T đều thống nhất vợ chồng có một con chung là cháu Trần Tuấn H, sinh ngày 09/10/2012. Vợ chồng ly hôn anh B, chị T thống nhất thỏa thuận chị T trực tiếp nuôi cháu Trần Tuấn H, sinh ngày 09/10/2012; anh B phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cùng chị T mỗi tháng là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) kể từ tháng 11/2017 cho đến khi con trưởng thành lao động tự lập được.

- Về tài sản chung: Anh Trần Văn B và chị Vũ Thị T đều thống nhất vợ chồng có tài sản chung nhưng vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên anh B phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Trần Văn B và chị Vũ Thị T đều cư trú tại huyện N. Nay anh Trần Văn B có đơn xin ly hôn chị Vũ Thị T và Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền phù hợp với khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa anh Trần Văn B và chị Vũ Thị T vào 12/2011 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N là một hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến tháng 11/2014 thì vợ chồng phát sinh, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát cãi chửi nhau. Mặc dù được gia đình hai bên động viên khuyên giải nhưng không thành vợ chồng ly thân nhau từ tháng 6/2015. Nay anh B xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án nhân dân huyện N giải quyết cho anh được ly hôn với chị Vũ Thị T.

Về phía chị T cũng xác định vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh B sống không chung thủy với chị, từ đó vợ chồng thường xảy ra xô xát cãi chửi nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6/2015 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh B vẫn còn, mặt khác gia đình chị là gia đình công giáo nên chị mong muốn anh B suy nghĩ lại về đoàn tụ với gia đình tiếp

tục nuôi dạy con cái trưởng thành nên chị không đồng ý ly hôn với anh Trần Văn B.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Trần Văn B và chị Vũ Thị T phát sinh từ tháng 11/2014, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6/2015 cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tạo điều kiện để hai bên có cơ hội đoàn tụ nhưng đến nay tình cảm vợ chồng anh B chị T vẫn không được cải thiện, vợ chồng anh B chị T vẫn sống ly thân mỗi người một nơi. Do vậy tình cảm vợ chồng là không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay anh B xin ly hôn xét thấy có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét quan điểm của chị Vũ Thị T không nhất trí ly hôn vì lý do chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh B vẫn còn và gia đình chị là gia đình công giáo, chị mong muốn anh B suy nghĩ lại về đoàn tụ với gia đình tiếp tục nuôi dạy con cái trưởng thành, nhưng chị T cũng thừa nhận việc vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân từ tháng 6/2015 cho đến nay và trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tạo điều kiện để hai bên có cơ hội đoàn tụ nhưng đến nay vợ chồng vẫn mỗi người một nơi, tình cảm vợ chồng anh chị vẫn không được cải thiện. Do vậy việc chị T không nhất trí ly hôn là không có căn cứ do vậy không được chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh Trần Văn B và chị Vũ Thị T đều thống nhất vợ chồng có một con chung là cháu Trần Tuấn H, sinh ngày 09/10/2012. Vợ chồng ly hôn anh B, chị T thống nhất thỏa thuận chị T trực tiếp nuôi cháu Trần Tuấn H, sinh ngày 09/10/2012; anh B phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cùng chị T mỗi tháng là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) kể từ tháng 11/2017 cho đến khi con trưởng thành lao động tự lập được.

[4] Về tài sản chung vợ chồng: Anh Trần Văn B và chị Vũ Thị T đều thống nhất vợ chồng có tài sản chung nhưng vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con anh Trần Văn B phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
Căn cứ Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[1] Xử lý hôn giữa anh Trần Văn B và chị Vũ Thị T.

[2] Về con chung: Xử giao cháu Trần Tuấn H, sinh ngày 09/10/2012 cho chị Vũ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh B phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cùng chị T mỗi tháng là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) kể từ tháng 11/2017 cho đến khi con trưởng thành lao động tự lập được. Không ai được ngăn cản quyền chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và thăm nom con chung.

[3] Về án phí: Anh Trần Văn B phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng anh Trần Văn B phải nộp 600.000 đồng án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh B đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số BB/2012/06093 ngày 02/8/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N, anh B còn phải nộp 300.000 đồng.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt anh B, chị T. Báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án Tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu văn phòng; HSVA.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phạm Hùng Phương